

Số: 07/2021/QĐST-DS

*Quận Lê Chân, ngày 09 tháng 9 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P; địa chỉ: Số 41-45 đường L, phường B, Quận 1, thành phố H. Đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn L trưởng nhóm THN hiện trường, Ngân hàng TMCP P và bà Nguyễn Thị Minh T, cán bộ THN hiện trường, Ngân hàng TMCP P là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 014/2021/UQ- O ngày 01/4/2021 và văn bản số 248/2021/UQ-O ngày 24/8/2021);

- Bị đơn: Ông Lê Thanh M; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 6/41 L, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 36B/17/82 V, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng.

Và bà Lương Thị Hồng P; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 3/69 Vũ Chí T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 36B/17/82 V, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 36B/17/82 V, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; Đại diện hợp pháp của bà Lương Thị Hồng P: Ông Lê Thanh M là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/8/2021).

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 01/9/2021 ông Lê Thanh M và bà Lương Thị Hồng P còn nợ Ngân hàng TMCP P tổng số tiền là: 297.413.514đ ( Hai trăm chín

mười bảy triệu, bốn trăm mười ba nghìn, năm trăm mười bốn đồng); Trong đó nợ gốc là 269.717.914 đồng; nợ lãi trong hạn là: 1.237.586 đồng; lãi quá hạn là: 26.476.014 đồng theo 03 hợp đồng tín dụng số 0014/2014/HĐTD-CN ngày 14/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 0251/2018/HĐTD-CN ngày 10/5/2018 và Hợp đồng tín dụng số 0389/2019/HĐTD-O-CN ngày 04/9/2019.

2.2. Tính đến ngày 01/9/2021 ông Lê Thanh M còn nợ Ngân hàng TMCP P tổng số tiền là: 88.099.163đ (tám mươi tám triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi ba đồng); Trong đó nợ gốc là: 78.527.096đ (Bảy mươi tám triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm chín sáu đồng); tiền lãi trong hạn: 394.875đ (ba trăm chín mươi tư nghìn, tám trăm bảy mươi năm đồng); lãi quá hạn: 9.177.192đ (chín triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm chín hai đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ vay Kiêm Hợp đồng tín dụng vay không có tài sản bảo đảm số VN0010118/2018/0008 ngày 18/10/2018.

### 2.3 Về lộ trình thanh toán:

2.3.1 Vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/9/2021 đến ngày 20/01/2022 ông M và bà P mỗi tháng sẽ thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 3.000.000 đồng được ưu tiên trừ vào nợ gốc;

- Đến ngày 20/02/2022, ông M và bà P sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và toàn bộ số nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa hai bên trong các Hợp đồng tín dụng 0014/2014/HĐTD-CN ngày 14/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 0251/2018/HĐTD-CN ngày 10/5/2018 và Hợp đồng số 0389/2018/HĐTD-O-CN ngày 04/9/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Thanh M và bà Lương Thị Hồng P vi phạm bất kỳ cam kết trả nợ nào cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0014/2014/BĐ ngày 14/01/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0389/2019/BĐ ngày 04/9/2019 đã ký giữa vợ chồng ông Lê Thanh M, bà Lương Thị Hồng P-bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại cổ phần P bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 31.0m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại số 36B/17/82 V, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng thuộc thửa đất số: 129B, tờ bản đồ số: 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài

sản gắn liền với đất số BB 633887, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00180/NX do Ủy ban nhân dân Quận L, hải Phòng cấp ngày 23 tháng 11 năm 2010 cho ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị Minh N, ngày 09/01/2014 đã chuyển nhượng cho ông Lê Thanh M và bà Lương Thị Hồng P tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận L.

2.3.2. Vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/9/2021 đến ngày 20/01/2022 hàng tháng ông M sẽ thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 2.000.000 đồng được ưu tiên trừ vào nợ gốc;

Đến ngày 20/02/2022, ông M sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa hai bên theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ vay kèm Hợp đồng tín dụng vay không có tài sản bảo đảm số VN0010118/2018/0008 ngày 18/10/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Ông M và bà P nộp cả 7.435.787đ (**Bảy triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm tám bảy đồng**) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ông M nộp cả 2.202.479đ (**Hai triệu, hai trăm linh hai nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng**) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.604.000 (Chín triệu sáu trăm linh bốn nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0013997 ngày 16 tháng 7 năm 2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bên đương sự;

**THẨM PHÁN**

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Lê Thị Hải Yến**